

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2025/DS-ST

Ngày: 13/6/2025.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hiệp

Bà Trần Thị Tuyết Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 và ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2023/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2025/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần P (có mặt).

Địa chỉ: Số A Quốc lộ A, ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn:

1/ Ông Phạm Văn P1, sinh năm 1963 (vắng mặt).

2/ Bà Phùng Thị Kim H, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Phạm Hoàng N, sinh năm 1988 (vắng mặt).

2/ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

3/ Bà Phạm Hồng C, sinh năm 1992 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Bà Trần Thị X (vắng mặt).

5/ Ông Phạm Hoàng L (vắng mặt).

6/ Bà Phạm Thị O (vắng mặt).

7/ Bà Phạm Thị P2 (vắng mặt).
8/ Bà Nguyễn Thị C1 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.
9/ Ông Bùi Tấn V, sinh năm 1983 (vắng mặt).
10/ Bà Lâm Thị Mỹ N1, sinh năm 1990 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.
11/ Ông Bùi Văn H1 (có mặt).
12/ Bà Phạm Thị Loan A (có mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Thạnh Phú là ông Trần P trình bày: Do có nhu cầu vay vốn để kinh doanh và sinh hoạt gia đình, ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H có ký Hợp đồng tín dụng số 362/19/HĐTD ngày 09/12/2019 với Quỹ tín dụng nhân dân T2 (Q2) vay tổng số tiền 165.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 15%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng từ ngày 10/12/2019 đến 10/12/2020, phương thức trả nợ: trả lãi hàng tháng, trả gốc cuối kỳ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H đã thế chấp cho Q tín dụng nhân dân Thạnh Phú: Quyền sử dụng (QSD) đất thuộc thửa số 352, tờ bản đồ số 1, diện tích 779m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 559177, số vào sổ cấp giấy CH00090 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện M cấp ngày 25/5/2012 cho ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H đứng tên. Địa chỉ thửa đất tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 112, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.103,8m², theo giấy chứng nhận QSD đất số BC 538170, số vào sổ cấp giấy CH00302 do UBND huyện M cấp ngày 01/8/2011 cho ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Kim H (Phùng Thị Kim H) đứng tên. Địa chỉ đất tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H thanh toán không đầy đủ nợ gốc và lãi cho Q tín dụng theo thỏa thuận. Ông P1 và bà H còn nợ tạm tính đến ngày 19/11/2024 tổng cộng là 303.377.876 đồng (trong đó số tiền gốc: 143.000.000 đồng; T1 lãi trong hạn là 24.817.808 đồng và lãi quá hạn là 160.377.876 đồng). Trong quá trình Tòa án giải quyết thì ông P1 có thanh toán thêm 2.000.000 đồng tiền lãi trong hạn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của QTDND Thạnh Phú yêu cầu Tòa án Nhân dân huyện M giải quyết buộc ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H trả nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 13/6/2025 tổng cộng là 321.536.917 đồng (trong đó số tiền gốc: 143.000.000 đồng; T1 lãi trong hạn là 22.817.808 đồng và lãi quá hạn là 155.719.109 đồng) và yêu cầu tiếp tục thanh toán lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trong trường hợp ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên cho Quỹ tín dụng nhân dân

Thanh Phú thì Quỹ tín dụng yêu cầu được quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/01/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn P1 trình bày:* Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Q2 về việc yêu cầu ông P1 trả số tiền nợ gốc và lãi cho Q2.

Về tài sản thế chấp: Ông P1 thế chấp thửa đất 352, tờ bản đồ số 1 tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng là phần đất ao, địa gần nhà của bà Trần Thị X, hiện nay bà X đang sử dụng để nuôi cá; Thửa 112, tờ bản đồ số 16 tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, thửa đất này là do vợ chồng ông Phạm Hồng Q1 và bà Dương Mỹ L1 chuyển nhượng của người khác, nhưng lúc chuyển nhượng ông Q1 và bà L1 là người định cư ở nước ngoài nên giao cho vợ chồng ông P1, bà Phùng Kim H (Phùng Thị Kim H) đứng tên QSD đất thửa 112, việc ông Q1 và bà L1 giao cho ông phương và bà H đứng tên QSD đất thì không có làm giấy tờ thỏa thuận gì. Sau đó, vào năm 2019 thì ông P1 và bà H thế chấp thửa đất số 112 nêu trên để vay tiền của Quỹ tín dụng. Trong thời gian ông P1 đang thế chấp thửa đất 112 tại Quỹ tín dụng thì ông Q1 và bà L1 gọi điện thoại nói miệng chuyển nhượng thửa đất 112 cho vợ chồng ông Bùi Văn H1, bà Phạm Thị Loan A nhưng không có làm hợp đồng chuyển nhượng, việc ông Q1 và bà L1 chuyển nhượng thửa đất 112 nêu trên cho vợ chồng ông H1 và bà L2 Anh thì ông P1 và bà H không hay biết. Đến nay thì ông Bùi Văn H1, bà Phạm Thị Loan A vẫn chưa sang tên QSD đất, vì ông P1 đang thế chấp cho Quỹ tín dụng. Hiện nay, bà Loan A và ông H1 đang giao thửa đất số 112 cho ông Bùi Tấn V và bà Lâm Thị Mỹ N1 trông coi.

Ông P1 đồng ý thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 19/11/2024 tổng cộng 303.377.876 đồng cho Q tín dụng và đồng ý tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ. Nhưng ông P1 yêu cầu được thanh toán trước một phần nợ tương ứng với giá trị của thửa đất 112 để giải chấp thửa đất này giao trả cho ông Phạm Hồng Q1, bà Dương Mỹ L1, ông Bùi Văn H1 và bà Phạm Thị Loan A. Một phần nợ còn lại thì ông P1 đồng ý giao thửa đất số 352, tờ bản đồ số 01 tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng hiện nay do gia đình bà Trần Thị X đang sử dụng cho Quỹ tín dụng được quyền xử lý để thu hồi nợ.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2025, bị đơn bà Phùng Thị Kim H trình bày:* Bà Phùng Thị Kim H có cùng với ông Phạm Văn P1 ký tên vào hợp đồng tín dụng để vay tiền và có ký tên vào hợp đồng thế chấp tài sản để thế chấp quyền sử dụng đất tại giấy chứng nhận QSD đất số BI 559177, số vào sổ cấp giấy CH00090 do UBND huyện M cấp ngày 25/5/2012 cho ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H, sinh năm 1969 đứng tên và thế chấp thửa đất số 112 theo giấy chứng nhận QSD đất số BC 538170, số vào sổ cấp giấy CH00302 do UBND huyện M cấp ngày 01/8/2011 cho ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Kim H đứng tên, lý do giấy chứng nhận QSD đất này ghi tên Phùng Kim H và ghi năm sinh 1965 là do cơ quan cấp giấy chứng nhận QSD đất ghi nhầm lẫn.

Nay bà H đồng ý trả nợ cho Quỹ tín dụng, nếu không trả được nợ thì bà H đồng ý để cho Quỹ tín dụng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 19/11/2024 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Loan A và ông Bùi Văn H1 cùng trình bày:*

Trước đây vợ chồng ông Phạm Hồng Q1 và bà D Mỹ Lệ định cư ở nước ngoài thì ông Q1, bà L1 có chuyển nhượng của người khác một phần đất (thuộc thửa 112), do ông Q1, bà L1 ở nước ngoài nên ông Q1, bà L1 có nhờ ông Phạm Văn P1 đứng tên QSD đất. Ông Q1, bà L1 kêu ông Bùi Tấn V quản lý đất và cho người ta thuê đất 02, 03 năm thì ông Q1, bà L1 mới về nước một lần để nhận tiền cho thuê đất. Đến khoảng năm 2019 – 2020, vợ chồng ông Phạm Hồng Q1 và bà Dương Mỹ L1 đang ở nước Mỹ gọi điện thoại cho vợ chồng ông H1, bà A để thỏa thuận chuyển nhượng lại thửa đất này cho vợ chồng ông H1 và bà A. Do ông Q1 là anh ruột của bà Phạm Thị L2 Anh nên chỉ thỏa thuận qua điện thoại không có làm hợp đồng chuyển nhượng, không có làm giấy tờ gì, giá chuyển nhượng là 600.000.000 đồng. Ông Q1 và bà L1 đang ở nước ngoài nên vợ chồng ông H1, bà A chuyển tiền 600.000.000 đồng qua nước ngoài trả tiền chuyển nhượng đất cho ông Q1 và bà L1. Lúc đó Bùi Tấn V đang quản lý đất nên Bùi Tấn V giao nguyên phần đất cho vợ chồng ông H1, bà A, không có đo đạc. Ông Q1 và bà L1 kêu vợ chồng ông H1, bà A đi gặp ông Phạm Văn P1 để lấy giấy chứng nhận QSD đất làm thủ tục sang tên (do ông P1 đang giữ). Ông H1, bà A gặp ông P1 để lấy giấy chứng nhận QSD đất thì ông P1 đã thế chấp cho Quỹ tín dụng nên không thể làm thủ tục sang tên được đến nay. Sau khi chuyển nhượng đất của ông Q1, bà L1 thì vợ chồng ông H1, bà A giao đất cho con là Bùi Tấn V và con dâu Lâm Thị Mỹ N1 quản lý cho đến nay.

Nay ông P1 đang nợ Quỹ tín dụng, nếu ông P1 không thanh toán được nợ thì ông H1, bà A cũng đồng ý giao thửa đất 112 cho Quỹ tín dụng để xử lý thanh toán nợ cho Quỹ tín dụng. Ngoài ra ông H1, bà A sẽ thỏa thuận với Quỹ tín dụng và ông P1 để thanh toán phần nợ tương ứng với thửa đất 112 để ông H1, bà A giải chấp thửa 112 nêu trên.

- Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Tấn V và bà Lâm Thị Mỹ N1 cùng trình bày: Trước đây vợ chồng ông Phạm Hồng Q1 và bà D Mỹ Lệ định cư ở nước ngoài thì ông Q1, bà L1 có chuyển nhượng của người khác một phần đất (thuộc thửa 112). Do ông Bùi Tấn V là cháu ruột kêu ông Q1 là cậu nên ông Q1 nhờ vợ chồng ông V, bà N1 quản lý thửa đất 112 để cho người ta thuê. Tháng 02, 03 năm thì ông Q1, bà L1 mới về nước một lần để nhận tiền cho thuê đất. Đến khoảng năm 2019 – 2020, ông Phạm Hồng Q1 và bà Dương Mỹ L1 đang ở nước Mỹ gọi điện thoại chuyển nhượng lại thửa đất này cho cha mẹ ruột ông V là bà Phạm Thị Loan A và ông Bùi Văn H1. Do ông Q1 là anh ruột của bà Phạm Thị L2 Anh nên chỉ thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất 112 qua điện thoại không có làm hợp đồng chuyển nhượng, không có làm giấy tờ gì, giá chuyển nhượng là 600.000.000 đồng. Ông Q1 và bà L1 đang ở nước ngoài nên cha, mẹ ông V là bà A và ông H1 chuyển tiền qua nước ngoài trả tiền chuyển nhượng đất cho ông Q1 và bà L1. Vợ chồng ông Bùi Tấn V và Lâm Thị Mỹ N1 đang quản lý đất nên giao nguyên thửa đất cho bà A và ông H1 không có đo đạc. Sau khi chuyển nhượng đất của ông Q1, bà L1 thì bà A và ông H1 giao đất cho vợ chồng ông Bùi Tấn V và Lâm Thị Mỹ N1 quản lý cho đến nay.

Nay ông P1 đang nợ Quỹ tín dụng nếu ông P1 không thanh toán được nợ thì vợ chồng ông V, bà N1 cũng đồng ý với ý kiến của bà Phạm Thị Loan A và

ông Bùi Văn H1 là giao thừa đất 112 cho Quỹ tín dụng để xử lý thanh toán nợ cho Quỹ tín dụng.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 19/11/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hoàng L trình bày:* Thừa đất số 352 mà ông Phạm Văn P1 đứng tên QSD đất và đang thế chấp cho Quỹ tín dụng là do ông bà để lại cho cha, mẹ của ông L là ông Phạm Văn S (chết), bà Trần Thị X quản lý sử dụng cùng anh chị em của ông L đến nay. Không có giấy tờ cho đất, ông bà để lại cũng không có giấy tờ đất. Không biết vì sao ông P1 và bà H đứng tên QSD đất rồi thế chấp cho Q tín dụng.

Nay ông P1 nợ tiền của Quỹ tín dụng không thanh toán, quỹ tín dụng yêu cầu phát mãi thửa đất 352 mà gia đình bà X và ông L đang quản lý thì ông L không đồng ý, yêu cầu không phát mãi thửa đất đó.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Hồng C trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của ông Phạm Văn P3 và bà Phùng Thị Kim H, không có ý kiến khác.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị X, bà Phạm Thị O, Phạm Thị P2, bà Nguyễn Thị Kim C1, ông Phạm Văn T, Phạm Hoàng N:* Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

1. Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị X, bà Phạm Thị O, Phạm Thị P2, bà Nguyễn Thị Kim C1, ông Phạm Văn T, Phạm Hoàng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 271, khoản 1, 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 324 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Thanh Phú: Buộc bị đơn ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H có nghĩa thanh toán cho Q tín dụng nhân dân Thanh Phú tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 13/6/2025 tổng cộng là 321.536.917 đồng (trong đó số tiền gốc: 143.000.000 đồng; T1 lãi trong hạn là 22.817.808 đồng; lãi quá hạn là

155.719.109 đồng) và tiếp tục trả tiền lãi suất phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 14/6/2025 cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ.

- Trong trường hợp bị đơn ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi nêu trên cho Quỹ tín dụng nhân dân T2 thì đề nghị Tòa án tuyên cho Quỹ tín dụng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 448/15 ngày 26/10/2015 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 448/15/PLHĐTC ngày 09/12/2019, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 352, tờ bản đồ số 1, diện tích 779m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 559177, số vào sổ cấp giấy CH00090 do UBND huyện M cấp ngày 25/5/2012 cho ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H đứng tên. Địa chỉ thửa đất tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 112, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.103,8m², theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 538170, số vào sổ cấp giấy CH00302 do UBND huyện M cấp ngày 01/8/2011 cho ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Kim H (Phùng Thị Kim H) đứng tên. Địa chỉ đất tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Buộc ông Phạm Văn P1, bà Phùng Thị Kim H, ông Phạm Hoàng N, Phạm Văn T, bà Phạm Hồng C; bà Trần Thị X, ông Phạm Hoàng L, bà Phạm Thị O, Phạm Thị P2, bà Nguyễn Thị Kim C1 có nghĩa vụ giao quyền sử dụng đất thửa số 352, tờ bản đồ số 1, diện tích 779m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 559177, số vào sổ cấp giấy CH00090 do UBND huyện M cấp ngày 25/5/2012 cho ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H đứng tên. Địa chỉ thửa đất tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng khi cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Quỹ tín dụng.

- Buộc ông Phạm Văn P1, bà Phùng Thị Kim H, ông Phạm Hoàng N, Phạm Văn T, bà Phạm Hồng C; ông Bùi Văn H1, bà Phạm Thị Loan A; ông Bùi Tấn V, bà Lâm Thị Mỹ N1 giao quyền sử dụng đất thửa số 112, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.103,8m², theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC538170, số vào sổ cấp giấy CH00302 do UBND huyện M cấp ngày 01/8/2011 cho ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Kim H (Phùng Thị Kim H) đứng tên. Địa chỉ đất tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng khi cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Quỹ tín dụng.

Dành quyền cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn H1, bà Phạm Thị Loan A, ông Bùi Tấn V và bà Lâm Thị Mỹ N1 được quyền ưu tiên mua lại quyền sử dụng đất tại thửa số 112, tờ bản đồ số 16, địa chỉ đất tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng khi có nhu cầu.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có đưa ông Phạm Hồng Q1 và bà Dương Mỹ L1 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, do bị đơn ông Phạm Văn P1 cho rằng thừa đất thế chấp số 112, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.103,8m², loại đất: đất trồng lúa, địa chỉ ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC538170, sổ vào sổ cấp giấy CH00302 do UBND huyện M cấp ngày 01/8/2011 cho ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Kim H (Phùng Thị Kim H) đứng tên là của ông Phạm Hồng Q1 và bà Dương Mỹ L1. Tuy nhiên qua quá trình giải quyết vụ án, chứng cứ chứng minh thừa đất nêu trên do ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Kim H (Phùng Thị Kim H) đứng tên QSD đất hợp pháp theo quy định của pháp luật, không có chứng cứ chứng minh liên quan đến quyền, nghĩa vụ của ông Q1 và bà L1. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất không xác định ông Phạm Hồng Q1 và bà Dương Mỹ L1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[2] Bị đơn ông Phạm Văn P3 và bà Phùng Thị Kim H; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị X, bà Phạm Thị O, Phạm Thị P2, bà Nguyễn Thị Kim C1, ông Phạm Văn T, Phạm Hoàng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Thạnh P4 cho rằng: Ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H đã ký Hợp đồng tín dụng số 362/19/HĐTD ngày 09/12/2019 với Q2 vay tổng số tiền 165.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 15%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng từ ngày 10/12/2019 đến 10/12/2020, phương thức trả nợ: trả lãi hàng tháng, trả gốc cuối kỳ.

[4] Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Phạm Văn P1, bà Phùng Thị Kim H (Phùng Kim H) đã thế chấp tài sản cho Quỹ tín dụng nhân dân Thạnh Phú theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 448/15 ngày 26/10/2015 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 448/15/PLHĐTC ngày 09/12/2019, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 352, tờ bản đồ số 1, diện tích 779m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 559177, sổ vào sổ cấp giấy CH00090 do UBND huyện M cấp ngày 25/5/2012 cho ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H đứng tên. Địa chỉ thửa đất tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 112, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.103,8m², theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 538170, sổ vào sổ cấp giấy CH00302 do UBND huyện M cấp ngày 01/8/2011 cho ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Kim H (Phùng Thị Kim H) đứng tên. Địa chỉ đất tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Trong thời gian thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo đúng thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng nêu trên, đã vi phạm hợp đồng giao kết giữa các bên. Quỹ tín dụng nhân dân Thanh Phú yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 13/6/2025 tổng cộng là 321.536.917 đồng (trong đó số tiền gốc: 143.000.000 đồng; T1 lãi trong hạn là 22.817.808 đồng; lãi quá hạn là 155.719.109 đồng) và yêu cầu tiếp tục thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 14/6/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[5] Ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H thừa nhận có ký vay của Quỹ tín dụng 165.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 15%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng từ ngày 10/12/2019 đến 10/12/2020, phương thức trả nợ: trả lãi hàng tháng, trả gốc cuối kỳ. Ông P1 và bà H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Thanh P4 và đồng ý thanh toán gốc và lãi còn nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Nhận thấy, khi thực hiện thỏa thuận vay tài sản, nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân Thanh P4 đã thực hiện việc giao đầy đủ số tiền vay như thỏa thuận cho ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H, nhưng khi đến thời hạn thanh toán, ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán số tiền vay cho Quỹ tín dụng làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của nguyên đơn, vi phạm các hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết thỏa thuận và vi phạm Điều 95 Luật tổ chức tín dụng. Do đó, Quỹ tín dụng nhân dân Thanh Phú yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H có nghĩa vụ trả nợ gốc của hai hợp đồng tín dụng nêu trên đến ngày xét xử sơ thẩm 143.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về tiền lãi: Đối với số tiền lãi nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Thanh Phú yêu cầu gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn theo thỏa thuận trong các hợp đồng giữa nguyên đơn và các bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Số tiền lãi bị đơn phải trả tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/6/2025 là 178.536.917 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn: 22.817.808 đồng; nợ lãi quá hạn: 155.719.109 đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 14/6/2025 cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ được chấp nhận.

[8] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H (Phùng Kim H) đã thế chấp tài sản đảm bảo nợ vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 448/15 ngày 26/10/2015 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 448/15/PLHĐTC ngày 09/12/2019, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 352, tờ bản đồ số 1, diện tích 779m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 559177, số vào sổ cấp giấy CH00090 do UBND huyện M cấp ngày 25/5/2012 cho ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H đứng tên. Địa chỉ thửa đất tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Quyền sử dụng đất thuộc thửa số

112, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.103,8m², theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 538170, số vào sổ cấp giấy CH00302 do UBND huyện M cấp ngày 01/8/2011 cho ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Kim H (Phùng Thị Kim H) đứng tên. Địa chỉ đất tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Hoàng L cho rằng thửa đất số 352 mà ông Phạm Văn P1 đứng tên QSD đất và đang thế chấp cho Quỹ tín dụng là do ông bà để lại cho cha, mẹ của ông L là ông Phạm Văn S (chết), bà Trần Thị X quản lý sử dụng cùng anh chị em của ông L đến nay. Không có giấy tờ cho đất, ông bà để lại cũng không có giấy tờ đất. Không biết vì sao ông P1 và bà H đứng tên QSD đất rồi thế chấp cho Q tín dụng. Ông Phạm Văn P1, ông Hui Văn H2, bà Phạm Thị Loan A cho rằng thửa đất số 112 do ông P1 và bà Phùng Kim H (Phùng Thị Kim H) đứng tên dùm cho ông Phạm Hồng Q1 và bà Dương Mỹ L1, nhưng không có chứng cứ nào để chứng minh. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông P1 và bà H đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với các thửa đất nêu trên hợp pháp theo quy định của pháp luật. Hợp đồng đã được chứng thực và được đăng ký tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M đúng quy định. Thời điểm thế chấp không ai phản đối việc thế chấp tài sản của bị đơn ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H. Vì vậy, trong trường hợp bị đơn ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân Thạnh Phú có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định.

[9] Qua kết quả thẩm định tại chỗ, quyền sử dụng đất đã thế chấp có hiện trạng như sau:

- Thửa đất số 352, tờ bản đồ số 1, diện tích 779m², tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay do bà Trần Thị X, ông Phạm Hoàng L, bà Phạm Thị O, Phạm Thị P2, bà Nguyễn Thị Kim C1 đang quản lý, sử dụng. Do đó, cần buộc ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H cùng những người trong hộ là ông Phạm Hoàng N, Phạm Văn T, bà Phạm Hồng C; những người trong hộ bà Trần Thị X, ông Phạm Hoàng L, bà Phạm Thị O, Phạm Thị P2, bà Nguyễn Thị Kim C1 cùng có nghĩa vụ giao quyền sử dụng đất thửa 352, tờ bản đồ số 1, diện tích 779m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 559177, số vào sổ cấp giấy CH00090 do UBND huyện M cấp ngày 25/5/2012 cho ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H đứng tên. Địa chỉ thửa đất tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng khi cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Quỹ tín dụng.

- Thửa số 112, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.103,8m², tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng hiện nay do ông Bùi Văn H1, bà Phạm Thị Loan A, ông Bùi Tấn V, bà Lâm Thị Mỹ N1 đang quản lý, sử dụng. Do đó cần buộc ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H cùng những người trong hộ là ông Phạm Hoàng N, Phạm Văn T, bà Phạm Hồng C; ông Bùi Văn H1, bà Phạm Thị Loan A; ông Bùi Tấn V, bà Lâm Thị Mỹ N1 cùng có nghĩa vụ giao quyền sử dụng đất thửa số 112, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.103,8m², theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 538170, số vào sổ cấp giấy CH00302 do UBND huyện M cấp ngày 01/8/2011 cho ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Kim H (Phùng Thị Kim H) đứng tên. Địa chỉ

đất tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng khi cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Quỹ tín dụng.

Dành quyền cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn H1, bà Phạm Thị Loan A, ông Bùi Tấn V và bà Lâm Thị Mỹ N1 được quyền ưu tiên mua lại quyền sử dụng đất tại thửa số 112, tờ bản đồ số 16, địa chỉ đất tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng khi có nhu cầu.

[10] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.400.000 đồng, ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H phải liên đới chịu. Do Quỹ tín dụng nhân dân Thanh Phú đã nộp tạm ứng trước nên ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H có nghĩa vụ liên đới nộp 1.400.000 đồng để trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Thanh Phú, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

[11] Về án phí:

- Bị đơn ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 16.076.846 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, ông Phạm Văn P1, sinh năm 1965 là người từ 60 tuổi trở lên. Ông P1 có đơn đề nghị miễn án phí sơ thẩm theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xét cho ông P1 được miễn nộp 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ của ông P1 là 8.038.423 đồng. Bà Phùng Thị Kim H phải chịu 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ của bà H là 8.038.423 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Quỹ tín dụng nhân dân Thanh P4 được nhận lại tiền tạm ứng án phí 6.200.000 đồng theo biên lai thu số 0007468 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

[12] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 271, khoản 1, 3 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010; Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Thanh Phú.

[2] Buộc các bị đơn ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H có nghĩa vụ thanh toán cho Q tín dụng nhân dân Thanh Phú số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 13/6/2025 tổng cộng là 321.536.917 đồng (trong đó số tiền gốc: 143.000.000 đồng; T1 lãi trong hạn là 22.817.808 đồng; Tiền lãi quá hạn là 155.719.109 đồng) và tiếp tục trả tiền lãi suất phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 14/6/2025 cho đến ngày trả tất nợ.

[3] Trong trường hợp bị đơn ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi nêu trên cho Quỹ tín dụng nhân dân Thanh Phú thì Quỹ tín dụng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 448/15 ngày 26/10/2015 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 448/15/PLHĐTC ngày 09/12/2019, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 352, tờ bản đồ số 1, diện tích 779m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI559177, số vào sổ cấp giấy CH00090 do UBND huyện M cấp ngày 25/5/2012 cho ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H đứng tên. Địa chỉ thửa đất tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 112, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.103,8m², theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC538170, số vào sổ cấp giấy CH00302 do UBND huyện M cấp ngày 01/8/2011 cho ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Kim H (Phùng Thị Kim H) đứng tên. Địa chỉ đất tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng để thu hồi nợ.

[4] Buộc ông Phạm Văn P1, bà Phùng Thị Kim H, ông Phạm Hoàng N, Phạm Văn T, bà Phạm Hồng C; bà Trần Thị X, ông Phạm Hoàng L, bà Phạm Thị O, Phạm Thị P2, bà Nguyễn Thị Kim C1 có nghĩa vụ giao quyền sử dụng đất thửa số 352, tờ bản đồ số 1, diện tích 779m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 559177, số vào sổ cấp giấy CH00090 do UBND huyện M cấp ngày 25/5/2012 cho ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H đứng tên. Địa chỉ thửa đất tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng khi cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Quỹ tín dụng.

[5] Buộc ông Phạm Văn P1, bà Phùng Thị Kim H, ông Phạm Hoàng N, Phạm Văn T, bà Phạm Hồng C; ông Bùi Văn H1, bà Phạm Thị Loan A; ông Bùi Tấn V, bà Lâm Thị Mỹ N1 giao quyền sử dụng đất thửa số 112, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.103,8m², theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 538170, số vào sổ cấp giấy CH00302 do UBND huyện M cấp ngày 01/8/2011 cho ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Kim H (Phùng Thị Kim H) đứng tên. Địa chỉ đất tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng khi cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Quỹ tín dụng.

Dành quyền cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn H1, bà Phạm Thị Loan A, ông Bùi Tấn V và bà Lâm Thị Mỹ N1 được quyền ưu tiên mua lại quyền sử dụng đất tại thửa số 112, tờ bản đồ số 16, địa chỉ đất tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng khi có nhu cầu.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.400.000 đồng, ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H phải liên đới chịu. Do Quỹ tín dụng nhân dân Thanh P4 đã nộp tạm ứng trước nên ông Phạm Văn P1 và bà Phùng Thị Kim H có nghĩa vụ liên đới nộp 1.400.000 đồng để trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Thanh Phú, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

[7] Về án phí:

- Bị đơn ông Phạm Văn P1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Bị đơn bà Phùng Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.038.423 đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.
- Quỹ tín dụng nhân dân Thanh P4 được nhận lại tiền tạm ứng án phí 6.200.000 đồng theo biên lai thu số 0007468 ngày 04/05/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ